| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 1118/2017/DS-PT
Ngày: 11/12/2017
Vv "Tranh chấp về
yêu cầu thực hiện nghĩa vụ"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
**Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Dương Tuấn Vinh

*Các thẩm phán*:
1/ Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
2/ Bà Đặng Huyền Phương

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà Vũ Thị Ngọc Phục - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh*: Bà Đào Thị Xuân Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2017 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 381/2017/TLPT-DS ngày 08 tháng 09 năm 2017 về việc "Tranh chấp đòi tài sản".

Do bản án số 81/2017/DS-ST ngày 09/05/2017 của Toà án nhân dân Quận 10 bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2699/2017/TLPT-DS ngày 22 tháng 11 năm 2017, giữa:

***1. Nguyên đơn****:* Ông Trần Bửu L, sinh năm 1968
Địa chỉ: Ấp AB, xã TA, huyện CC, TP. Hồ Chí Minh.
Địa chỉ liên lạc: LĐC, phường AK, Quận H, TP. Hồ Chí Minh.
Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh H (Có mặt)
Địa chỉ: Trần Quý K, phường TĐ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.
***2. Bị đơn:*** Bà Huỳnh Thị Kim A, sinh năm 1971 (Có mặt)
Địa chỉ: LHP, Phường M, Quận M, Tp Hồ Chí Minh.
***3. Người kháng cáo:*** Bị đơn – Bà Huỳnh Thị Kim A.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 21/02/2008 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn là ông Trần Bửu L trình bày :

Ngày 29/03/2007, tại Ủy ban nhân dân Phường 01, Quận 10 bị đơn là bà Huỳnh Thị Kim A có lập " Giấy cam kết" trả cho ông 10 (mười) lượng vàng SJC làm hai đợt với những điều kiện kèm theo, cụ thể:

- Đợt 01 trả 05 (năm) lượng vàng SJC sau khi ông rút đơn khởi kiện tranh chấp về " Thừa kế" tại Tòa án nhân dân Quận 10 đối với căn nhà đường HTK, phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đợt 02 trả 05 (năm) lượng vàng SJC sau khi hoàn tất thủ tục mua bán căn nhà trên.

Tuy nhiên từ khi hoàn tất thủ tục mua bán căn nhà trên cho đến nay bà A mới trả cho ông được 05 (năm) lượng vàng SJC. Mặc dù ông đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà A vẫn không trả cho ông 05 (năm) lượng vàng SJC còn lại. Do vậy ông L yêu cầu Tòa án buộc bà A trả cho ông 05(năm) lượng vàng còn lại, (tương đương 182.100.000 VNĐ tại thời điểm xét xử), trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ông L tự nguyện không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

Tại bản tự khai ngày 11/7/2008 và các lời khai tiếp theo bị đơn là bà Huỳnh Thị Kim A trình bày:

Năm 2007 bà có mua căn nhà HTK, Phường M, Quận M của bà Trần Thanh L nhưng do ông Hoàng Xuân N đứng tên chủ sở hữu, trong thời gian chờ bàn giao nhà thì ông L nộp đơn tranh chấp tại Ủy ban nhân dân Phường 01, Quận 10. Lúc này bà đã nhận cọc và đang làm thủ tục bán nhà cho người khác, vì sợ trễ hợp đồng nên bà đã thỏa thuận là giữ lại 10 (mười) lượng vàng SJC của ông N và bà L để trả lại cho ông L với điều kiện ông L không tranh chấp nữa và tại điều kiện thuận lợi để bà bán căn nhà trên cho người khác. Tuy nhiên sau khi ông L nhận của bà 05 (năm) lượng vàng SJC, nhưng ông L không thực hiện như cam kết là rút đơn tranh chấp tại Ủy ban nhân dân Phường 01, Quận 10 nên bà phải bồi thường hợp đồng mua bán nhà. Thực tế bà không có giao dịch gì với ông L, nên bà không chấp nhận yêu cầu của ông L.

Bản án sơ thẩm tuyên xử :

Căn cứ vào Khoản 14 Điều 26 ; Điểm a Khoản 1 Điều 35 ; Điểm a Khoản 1 Điều 39 ; Điều 147 ; Điểm b Khoản 2 Điều 227 ; Điều 271 ; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 ;

Căn cứ vào các Điều 256 và Điều 305 của Bộ luật dân sự 2005 ;

Căn cứ vào Điều 5 và Khoản 2 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và mục 1, Phần I danh lục mức án phí, lệ phí ban hành kèm Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, Điều 48 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ;

*Tuyên xử:*

[1]. Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Bửu L về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị Kim A thực hiện nghĩa vụ trả lại tài sản.

Buộc bà A trả cho ông L 05 (năm) lượng vàng SJC, tương đương 182.100.000 VNĐ (một trăm tám mươi triệu một trăm nghìn đồng). Trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp bà A chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, thì hàng tháng bà A còn phải trả cho ông L tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

[2] Về án phí :

Bà Anh chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.105.000 VNĐ (chín triệu một trăm lẻ năm nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm đã nộp là 2.300.000 VNĐ (Hai triệu ba trăm nghìn đồng) và 50.000VNĐ (Năm mươi nghìn đồng) theo các biên lai thu tiền tạm ứng số 003284 ngày 16/04/2008 và 003671 ngày 28/8/2008 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4] Về quyền kháng cáo : Ông L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà A vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09 tháng 5 năm 2017 bị đơn bà Huỳnh Thị Kim A kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

**Tại phiên tòa phúc thẩm,**

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người kháng cáo – bà Huỳnh Thị Kim A trình bày :

Tôi không hề làm đơn yêu cầu xử vắng mặt, cấp sơ thẩm xử vắng mặt tôi là không đúng luật.

Tôi không viết và ký giấy cam kết ngày 29/3/2007, tại Ủy ban nhân dân Phường 1, Quận 10 tôi có thỏa thuận sẽ trả cho ông L 10 lượng vàng, trả làm 2 đợt : Đợt 1 trả 5 lượng khi ông rút đơn tại Tòa án nhân dân Quận 10 và trả số còn lại sau khi ông N được cấp chủ quyền nhà để ông N làm thủ tục bán nhà cho tôi, và tôi đã giao đợt 1 là 5 lượng vàng, tuy nhiên ông L không rút đơn tại Công ty hóa giá nhà Quận 10 do đó tôi đã giao 5 lượng vàng còn lại cho ông N và hai

bên đã tiến hành mua bán xong, do đó tôi đề nghị bác đơn của ông L sửa bản án sơ thẩm.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Nguyễn Minh H trình bày : Đề nghị y án sơ thẩm

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng :

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung kháng cáo :

Tuy trong hồ sơ có đơn xin vắng mặt của bà Kim A, theo quy định tại Điều 170 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Tòa án vẫn phải tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đương sự, việc cấp sơ thẩm xét xử mà không tống đạt quyết định là có sai sót.

Bà A xác định bà không viết và ký vào giấy cam kết ngày 29/3/2007. Đại diện nguyên đơn xác định giấy này không có bản chính để đối chiếu, có khả năng được lưu giữ tại UBND Phường 1, Quận 10, nguyên đơn có yêu cầu nhưng cơ quan này chưa cung cấp. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, bản photocopy không phải là chứng cứ trong vụ án. Ngoài ra bà A trình bày 05 lượng vàng SJC là tiền mua nhà của ông Hoàng Xuân N. Do ông L không rút đơn tại Công ty hóa giá nhà Quận 10 gây cản trở cho bà, bà đã liên lạc với ông L nhiều lần nhưng không được nên bà đã trả đủ cho ông N số vàng này để ông N làm thủ tục bán nhà cho bà. Thực tế bà không có cam kết nợ nần gì với ông L. Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ vấn đề này từ ông Hoàng Xuân N là chưa có cơ sở để giải quyết toàn diện vụ án.

Đề nghị căn cứ vào Khoản 3 Điều 308, hủy bán án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân Quận 10 giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thời hạn kháng cáo: Ngày 18/08/2017 Tòa án nhân dân Quận 10 tống đạt bản án dân sự sơ thẩm 81/2017/DS-ST ngày 09/05/2017. Ngày 24/08/2017 Tòa án nhân dân quận Tân Phú nhận được đơn kháng cáo của bị đơn – bà Huỳnh Thị Kim A. Căn cứ Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, kháng cáo còn trong hạn luật định nên được xem xét.

[2] Nội dung kháng cáo: Bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm do không nhận được giấy triệu tập của hội đồng xét sử sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà A trình bày Đơn xin giải quyết vắng mặt của bà Huỳnh Thị Kim A ngày 25/12/2012 (bút lục 37) không phải là chữ viết chữ ký của bà, bà có yêu cầu giám định tuy nhiên bà không đồng ý đóng tiền tạm ứng chi phí giám định chữ viết, chữ ký nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để cho

rằng chữ viết, chữ ký trong văn bản này không phải là của bà. Tuy nhiên việc cấp sơ thẩm xét xử mà không tống đạt quyết định cho bà là vi phạm điều 170 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Xét thấy đơn xin giải quyết vắng mặt của bà Huỳnh Thị Kim A ngày 25/12/2012 (bút lục 37) có nội dung "*Tôi đề nghị Tòa án cho tôi được vắng mặt trong các buổi hòa giải, xét xử, ghi lời khai vắng mặt tôi. Tôi cam đoan việc Tòa án giải quyết vắng mặt tôi, tôi sẽ không khiếu nại hay thắc mắc gì về sau*" nên Tòa án nhân dân Quận 10 giải quyết vắng mặt bà A là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên tại phần nhận định của bản án dân sự sơ thẩm ghi nhận Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 mà bà A vắng mặt là không chính xác.

Với những sai sót kể trên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét thấy tại hồ sơ vụ án chỉ có bản sao giấy cam kết ngày 29/03/2007 bà Huỳnh Thị Kim A cam kết sẽ trả cho ông Trần Bửu L 10 lượng vàng SJC, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn thừa nhận chỉ có bản sao và đã thất lạc bản gốc, bà Kim A không thừa nhận chứng cứ này, tuy nhiên bà thừa nhận bà có thỏa thuận với ông L nội dung như bản cam kết này tại Ủy ban nhân dân Phường 1, Quận 10, cụ thể :

Lần 1: Trả ông L 05 lượng vàng SJC ngay khi ông L rút đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Quận 10.

Lần 2: Trả ông Luân 05 lượng vàng SJC ngay khi căn nhà HTK Phường M, Quận M có chủ quyền, thời gian là 05 (năm) tháng kể từ ngày viết giấy cam kết.

Lời trình bày của bà A phù hợp với biên bản biên bản hòa giải ngày 29 tháng 03 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân phường 1, Quận 10 và phù hợp với nội dung cam kết ngày 29/03/2007 (mặc dù không có bản chính). Điều này thể hiện giữa ông Luân và bà Kim A đã có thỏa thuận theo nội dung trên.

Theo nội dung bà Kim A trình bày tại phiên tòa và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì quan hệ tranh chấp cần giải quyết là giao kết giữa bà Kim A và ông L nên Tòa án nhân dân Quận 10 không đưa bà L và ông N vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là "Đòi tài sản" là chưa chính xác, do đó cần sửa lại thành " Tranh chấp về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ".

Các đương sự đều thống nhất ông Luân đã nhận 05 lượng vàng cho đợt đầu. Và các bên cũng thống nhất rằng căn nhà HTK Phường M, Quận M đã có giấy chủ quyền. Tuy nhiên có mâu thuẫn lời khai giữa nguyên đơn và bị đơn cụ thể như sau:

Ông L cho rằng bà A không thực hiện theo đúng cam kết nên khởi kiện. Còn Bà A trình bày ông L chỉ mới rút đơn tại Tòa án mà không rút đơn kiện tại Công ty hóa giá nhà Quận 10 gây khó khăn cho bà trong việc làm thủ tục mua bán nhà nên bà đã giao 05 lượng vàng còn lại cho ông Hoàng Xuân N (con bà L) là người đứng tên trên hợp đồng mua bán nhà để ông N giao cho ông L.

Căn cứ nội dung cam kết chỉ có nội dung ông L phải rút đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Quận 10 không đề cập đến việc yêu cầu ông L phải rút đơn

khởi kiện tại Công ty hóa giá nhà Quận 10. Ông L đã rút đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Quận 10 là đã thực hiện đúng cam kết và căn nhà đã được cấp chủ quyền và bà đã chuyển nhượng cho người khác đã đủ điều kiện làm phát sinh nghĩa vụ thanh toán của bà Kim A.

Xét cam kết của bà A và ông L là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật nên được pháp luật thừa nhận, việc bà Kim A không giao số vàng còn lại cho ông L mà giao cho ông N là vi phạm cam kết. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Nếu sau này bà Kim A và ông N có tranh chấp đối với 05 lượng vàng bà Kim A giao thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Kim A.

Tuy nhiên tại phần Quyết định của bản án sơ thẩm có sai sót như sau:

Bản án tuyên "Trong trường hợp bà A chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, thì hàng tháng bà A còn phải trả cho ông L tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán" là chưa đúng với quy định của pháp luật, cần sửa lại nội dung này như sau: "Trường hợp bà A không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền trên thì kể từ ngày ông Trần Bửu L có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được tính theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ Luật dân sự 2015."

[4] Án phí phúc thẩm :

Do sửa bản án dân sự sơ thẩm nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàng lại cho bà Huỳnh Thị Kim A số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AE/2014/0001657 ngày 25/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10.

Căn cứ những nhận định trên,

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

## QUYẾT ĐỊNH

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn-bà Huỳnh Thị Kim A.

- Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 81/2017/DS-ST ngày 09/05/2017 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Bửu L về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị Kim A thực hiện nghĩa vụ trả lại tài sản.

Buộc bà Huỳnh Thị Kim A trả cho ông L 05 (năm) lượng vàng SJC, tương đương 182.100.000 VNĐ (một trăm tám mươi hai triệu một trăm nghìn đồng). Trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bà A không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền trên thì kể từ ngày ông Trần Bửu L có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được tính theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ Luật dân sự 2015.

2. Về án phí Dân sự sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị Kim A chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.105.000 VNĐ (chín triệu một trăm lẻ năm nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông Trần Bửu L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm đã nộp là 2.300.000 VNĐ (Hai triệu ba trăm nghìn đồng) và 50.000VNĐ (Năm mươi nghìn đồng) theo các biên lai thu tiền tạm ứng số 003284 ngày 16/04/2008 và 003671 ngày 28/8/2008 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị Kim A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho bà Huỳnh Thị Kim A số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AE/2014/0001657 ngày 25/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10.

4. Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- TAND TC;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 10;
- Chi cục THADS Quận 10;
- Cục THADS TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Tuấn Vinh**